

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4830/UBND-KT

Đồng Nai, ngày 03 tháng 5 năm 2019

V/v triển khai thực hiện Nghị
định số 32/2019/ND-CP ngày
10/4/2019 của Chính phủ

Kính gửi:

- Sở Tài chính;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa.

Ngày 10/4/2019, Chính phủ ban hành Nghị định số 32/2019/NĐ-CP quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên (văn bản điện tử gửi đính kèm); Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa triển khai thực hiện Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
 - Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
 - Chánh - Phó Văn phòng UBND tỉnh;
 - Lưu: VT, KT, QTTV.
- @ĐiệnKT

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Quốc Hùng

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 32/2019/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2019

UBND TỈNH ĐỒNG NAI	
Số: 2001A	Ngày: 18/04/19
ĐẾN	
Chuyên	

NGHỊ ĐỊNH
Quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp
sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước
từ nguồn kinh phí chi thường xuyên

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (sau đây gọi là các bộ, cơ quan trung ương), Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh), Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp huyện), cơ quan quản lý trực thuộc được ủy quyền giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước thành lập theo quy định của pháp luật, có tư cách pháp nhân, cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, phục vụ quản lý nhà nước.

3. Doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, tổ chức, đơn vị (bao gồm đơn vị sự nghiệp công lập không trực thuộc cơ quan được giao kinh phí để đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công), hợp tác xã có tư cách pháp nhân, các cá nhân hành nghề độc lập, đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật có chức năng cung ứng sản phẩm, dịch vụ công phù hợp với yêu cầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công của Nhà nước (sau đây gọi chung là nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác; nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích hoặc là nhà thầu trong trường hợp tham gia đấu thầu thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu); các cơ quan, tổ chức có liên quan đến việc tổ chức thực hiện và cung cấp sản phẩm, dịch vụ công.

4. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp được áp dụng các quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật khác có liên quan về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên được cấp có thẩm quyền giao.

5. Các bộ, cơ quan trung ương, địa phương, doanh nghiệp, tổ chức, cơ quan, đơn vị thực hiện dịch vụ sự nghiệp công; sản phẩm, dịch vụ công ích từ nguồn tài chính khác (không sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước) được khuyến khích áp dụng các quy định tại Nghị định này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Sản phẩm, dịch vụ công là sản phẩm, dịch vụ thiết yếu đối với đời sống kinh tế - xã hội của đất nước, cộng đồng dân cư hoặc bảo đảm quốc phòng, an ninh mà Nhà nước phải tổ chức thực hiện trong các lĩnh vực: Giáo dục đào tạo; giáo dục nghề nghiệp; y tế; văn hóa, thể thao và du lịch; thông tin và truyền thông; khoa học và công nghệ; tài nguyên và môi trường; giao thông vận tải; nông nghiệp và phát triển nông thôn; công thương; xây dựng; lao động thương binh và xã hội; tư pháp và các lĩnh vực khác theo quy định của Chính phủ. Sản phẩm, dịch vụ công bao gồm dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích.

2. Sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên (sau đây gọi là sản phẩm, dịch vụ công), gồm: Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước và sản phẩm, dịch vụ công ích.

3. Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước là dịch vụ sự nghiệp công mà Nhà nước bảo đảm toàn bộ chi phí hoặc dịch vụ sự nghiệp công chưa tính đủ chi phí trong giá, phí, được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

4. Sản phẩm, dịch vụ công ích là sản phẩm, dịch vụ mà việc sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ này theo cơ chế thị trường khó có khả năng bù đắp chi phí hoặc sản phẩm, dịch vụ có tính chất đặc thù; được Nhà nước trợ giá phần chênh lệch giữa giá tiêu thụ, giá sản phẩm dịch vụ theo quy định của Nhà nước hoặc phần chênh lệch giữa số tiền do người được hưởng sản phẩm, dịch vụ công ích thanh toán theo quy định của Nhà nước, với chi phí hợp lý của nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích để sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng (hoặc giao nhiệm vụ theo quy định của pháp luật chuyên ngành nếu có).

5. Trợ giá sản phẩm, dịch vụ công ích là khoản hỗ trợ tài chính của ngân sách nhà nước theo mức cố định tính trên từng đơn vị sản phẩm, dịch vụ công ích cho nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích để sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng (hoặc giao nhiệm vụ theo quy định của pháp luật chuyên ngành nếu có).

6. Chi phí hợp lý của nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích là các khoản chi phí thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích phù hợp theo quy định tại Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan.

7. Giá tiêu thụ theo quy định của Nhà nước là mức giá được Nhà nước quy định để đơn vị sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích bán ra thị trường.

8. Giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước là việc cơ quan nhà nước giao nhiệm vụ cho đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công của đơn vị theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

9. Đặt hàng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công là việc cơ quan nhà nước chỉ định đơn vị sự nghiệp công lập; nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác; nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích đáp ứng theo các yêu cầu, điều kiện đặt hàng của Nhà nước.

10. Đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công là quá trình lựa chọn nhà thầu để ký kết và thực hiện hợp đồng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công trên cơ sở bảo đảm cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện cung ứng sản phẩm, dịch vụ công

1. Nguồn kinh phí ngân sách nhà nước chỉ thường xuyên trong các lĩnh vực sự nghiệp và các hoạt động kinh tế theo quy định của Luật ngân sách nhà nước, trong đó:

a) Kinh phí thực hiện giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công của các bộ, cơ quan trung ương từ nguồn ngân sách trung ương;

b) Kinh phí thực hiện giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công của địa phương từ nguồn ngân sách địa phương.

2. Nguồn phí được để lại chi cho hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí theo pháp luật về phí và lệ phí.

3. Nguồn thu dịch vụ sự nghiệp công theo giá dịch vụ sự nghiệp công do Nhà nước định giá.

4. Nguồn khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 5. Danh mục sản phẩm, dịch vụ công

1. Danh mục sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên, gồm:

a) Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước;

b) Danh mục sản phẩm, dịch vụ công ích.

2. Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước quy định tại Phụ lục I (Biểu 01 và Biểu 02) ban hành kèm theo Nghị định này, gồm:

a) Biểu 01. Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước theo ngành, lĩnh vực.

Chi tiết các danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước của các bộ, cơ quan trung ương theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; chi tiết các danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Biểu 02. Một số danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước.

3. Danh mục sản phẩm, dịch vụ công ích quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

4. Trường hợp trong từng thời kỳ có điều chỉnh, bổ sung danh mục sản phẩm, dịch vụ công quy định tại khoản 2, khoản 3 của Điều này (nếu có), các bộ, cơ quan trung ương chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và

Đầu tư, Bộ Nội vụ và các cơ quan có liên quan trình Thủ tướng Chính phủ quyết định sửa đổi, bổ sung danh mục sản phẩm, dịch vụ công từ dự toán chi của ngân sách trung ương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định sửa đổi, bổ sung danh mục sản phẩm, dịch vụ công từ dự toán chi của ngân sách địa phương. Danh mục sản phẩm, dịch vụ công điều chỉnh, bổ sung mới được thực hiện theo các quy định tại Nghị định này.

Điều 6. Phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công

1. Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện theo các phương thức: Giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu.

2. Sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện theo các phương thức: Đặt hàng, đấu thầu (hoặc giao nhiệm vụ trong trường hợp pháp luật chuyên ngành quy định).

3. Các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc cơ quan quản lý trực thuộc được ủy quyền lựa chọn phương thức cung cấp sản phẩm, dịch vụ công phù hợp, đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định tại Chương II, Chương III Nghị định này và quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có).

Điều 7. Thẩm quyền quyết định phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công

1. Các bộ, cơ quan trung ương hoặc cơ quan quản lý trực thuộc được ủy quyền quyết định giao nhiệm vụ, đặt hàng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công cho đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc; đặt hàng (hoặc giao nhiệm vụ trong trường hợp pháp luật chuyên ngành quy định) đối với nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác; nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích hoặc tổ chức đấu thầu theo quy định từ nguồn ngân sách trung ương.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc cơ quan quản lý trực thuộc được ủy quyền quyết định giao nhiệm vụ, đặt hàng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công cho đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc; đặt hàng (hoặc giao nhiệm vụ trong trường hợp pháp luật chuyên ngành quy định) đối với nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác; nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích hoặc tổ chức đấu thầu theo quy định từ nguồn ngân sách địa phương.

3. Trường hợp giao nhiệm vụ, đặt hàng đối với sản phẩm, dịch vụ công có tính đặc thù từ nguồn ngân sách trung ương (nếu có), thực hiện theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 8. Phương pháp và thẩm quyền quyết định giá, đơn giá, mức trợ giá sản phẩm, dịch vụ công

1. Đối với dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước

a) Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện giao nhiệm vụ: Căn cứ số lượng, khối lượng nhiệm vụ; chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định; các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc cơ quan quản lý trực thuộc được ủy quyền phê duyệt dự toán kinh phí giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công cho đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện.

b) Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện đặt hàng: Phương pháp định giá, cơ quan có thẩm quyền định giá và trình tự định giá, đơn giá theo quy định của pháp luật về giá và các pháp luật khác có liên quan.

2. Đối với sản phẩm, dịch vụ công ích

Phương pháp định giá, cơ quan có thẩm quyền định giá và trình tự định giá, đơn giá, mức trợ giá sản phẩm, dịch vụ công ích theo quy định của pháp luật về giá và các pháp luật khác có liên quan.

3. Giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công được xác định trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí do cơ quan có thẩm quyền ban hành. Trong đó, chi phí tiền lương trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công tính theo mức lương cơ sở, hệ số tiền lương ngạch, bậc, chức vụ, các khoản phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương theo chế độ Nhà nước quy định đối với đơn vị sự nghiệp công lập và theo định mức lao động, định mức chi phí (nếu có) do các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành theo thẩm quyền. Riêng chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công ích tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này và chi phí tiền lương, tiền công trong đơn giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước tại Biểu 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này đối với doanh nghiệp được ký hợp đồng đặt hàng, đấu thầu (hoặc được giao nhiệm vụ trong trường hợp pháp luật chuyên ngành quy định) theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

4. Đối với những sản phẩm, dịch vụ thuộc danh mục sản phẩm, dịch vụ công ích quy định tại Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích khi chuyển sang danh mục sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước quy định tại Nghị định này thì thẩm quyền quyết định giá đối với từng dịch vụ tương ứng tiếp tục thực hiện như đối với danh mục sản phẩm, dịch vụ công ích quy định tại Luật giá và các văn bản hướng dẫn.

Chương II

GIAO NHIỆM VỤ, ĐẶT HÀNG HOẶC ĐẤU THẦU CUNG CẤP DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Mục 1

GIAO NHIỆM VỤ CUNG CẤP DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 9. Điều kiện giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước

1. Việc giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước chỉ thực hiện đối với đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cơ quan quản lý cấp trên được giao kinh phí cung ứng dịch vụ sự nghiệp công.

2. Giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập khi đáp ứng đồng thời các điều kiện:

a) Đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng, nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công phù hợp với hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công được giao theo quyết định của cấp có thẩm quyền. Ngoài ra đối với đơn vị sự nghiệp công lập được giao nhiệm vụ trong lĩnh vực thuộc diện Nhà nước cấp phép hoạt động phải đáp ứng thêm điều kiện phải là đơn vị đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

b) Đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp có thẩm quyền giao quyền tự chủ tài chính theo cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong từng lĩnh vực;

c) Việc cung cấp dịch vụ sự nghiệp công là nhiệm vụ thường xuyên hàng năm của đơn vị, đã và đang được cơ quan quản lý cấp trên giao nhiệm vụ;

d) Danh mục dịch vụ sự nghiệp công chưa xây dựng được định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá, thực hiện theo số lượng, khối lượng, chi phí hợp lý theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Điều kiện giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước có tính đặc thù (nếu có) quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định này thực hiện theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 10. Giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước

1. Giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo danh mục dịch vụ sự nghiệp công quy định tại Biểu 01 của Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Căn cứ giao nhiệm vụ:

- a) Dự toán thu, chi được cấp có thẩm quyền giao;
- b) Quyết định của cấp có thẩm quyền về danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện theo phương thức giao nhiệm vụ.

3. Nội dung giao nhiệm vụ:

- a) Số lượng, khối lượng dịch vụ sự nghiệp công (trường hợp xác định được cụ thể) hoặc chi tiết nhiệm vụ;
- b) Chất lượng dịch vụ sự nghiệp công (theo tiêu chí, tiêu chuẩn do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành);

c) Thời gian triển khai và thời gian hoàn thành;

- d) Dự toán kinh phí của nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công căn cứ số lượng, khối lượng, nhiệm vụ dịch vụ sự nghiệp công, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành và được cấp có thẩm quyền phê duyệt; chi tiết theo các nguồn sau:

- Nguồn ngân sách nhà nước.
- Nguồn phí được để lại chi cho hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí theo quy định pháp luật về phí và lệ phí.
- Nguồn thu dịch vụ sự nghiệp công theo giá dịch vụ sự nghiệp công do Nhà nước định giá.

đ) Tạm ứng, thanh toán, quyết toán kinh phí giao nhiệm vụ;

e) Nghiệm thu, bàn giao sản phẩm (nếu có);

g) Trách nhiệm của đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện nhiệm vụ;

h) Trách nhiệm của cơ quan quản lý cấp trên giao nhiệm vụ;

i) Các nội dung khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có).

4. Hình thức giao nhiệm vụ: Quyết định của cơ quan quản lý cấp trên giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 11. Điều chỉnh kinh phí giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước

- 1. Nhà nước thay đổi về cơ chế, chính sách tiền lương.

2. Cơ quan quản lý cấp trên điều chỉnh nhiệm vụ đã giao cho đơn vị sự nghiệp công lập do thay đổi số lượng, khối lượng thực hiện hoặc do nguyên nhân khách quan.

Mục 2

ĐẶT HÀNG CUNG CẤP DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 12. Điều kiện đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước

1. Đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước đối với đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cơ quan quản lý cấp trên đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, theo danh mục quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này, khi đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

a) Đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản 2 Điều 9 Nghị định này;

b) Danh mục dịch vụ sự nghiệp công có định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công do cơ quan có thẩm quyền ban hành làm cơ sở để đặt hàng;

c) Điều kiện đặt hàng khác theo quy định của pháp luật liên quan (nếu có).

2. Đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước đối với nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác, theo danh mục quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này, khi đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

a) Nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác đã có đăng ký ngành nghề kinh doanh phù hợp với lĩnh vực dịch vụ sự nghiệp công được đặt hàng; có đủ năng lực về tài chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị, máy móc, trình độ kỹ thuật, công nghệ sản xuất, trình độ quản lý và đội ngũ người lao động đáp ứng được các yêu cầu đặt hàng. Ngoài ra, đối với nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác được đặt hàng trong lĩnh vực thuộc diện Nhà nước cấp phép hoạt động phải đáp ứng thêm điều kiện phải là nhà cung cấp dịch vụ đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép theo quy định của pháp luật chuyên ngành;

b) Danh mục dịch vụ sự nghiệp công có tính đặc thù do liên quan đến sở hữu trí tuệ hoặc chỉ có một nhà cung cấp đăng ký thực hiện;

c) Danh mục dịch vụ sự nghiệp công có định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công do cơ quan có thẩm quyền ban hành làm cơ sở để đặt hàng;

3. Điều kiện đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước có tính đặc thù (nếu có) quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định này thực hiện theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

4. Trường hợp đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước khác đã được quy định trong pháp luật chuyên ngành thì thực hiện theo quy định pháp luật chuyên ngành (nếu có).

5. Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này thực hiện phương thức đặt hàng, nhưng vẫn khuyến khích áp dụng hình thức đấu thầu.

Điều 13. Căn cứ để đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước

1. Dự toán thu, chi được cấp có thẩm quyền giao.

2. Quyết định của cấp có thẩm quyền về danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện theo phương thức đặt hàng.

3. Đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước đặt hàng được xác định trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí hiện hành của Nhà nước và được cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật về giá và các pháp luật khác có liên quan. Riêng đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công do đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện, căn cứ theo lộ trình giá tính đủ chi phí hoặc chưa tính đủ chi phí theo cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong từng lĩnh vực (giáo dục đào tạo; giáo dục nghề nghiệp; y tế; văn hóa, thể thao và du lịch; thông tin và truyền thông; khoa học và công nghệ; sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác).

4. Trường hợp dịch vụ sự nghiệp công thuộc danh mục thu phí, thì mức thu phí dịch vụ sự nghiệp công thực hiện theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

5. Căn cứ đặt hàng khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có).

6. Trên cơ sở dự toán được giao; danh mục dịch vụ sự nghiệp công đặt hàng; đơn giá, giá, phí dịch vụ sự nghiệp công được cơ quan có thẩm quyền quyết định; căn cứ đặt hàng khác (nếu có); cơ quan quản lý cấp trên xác định số lượng, khối lượng dịch vụ sự nghiệp công để đặt hàng cho các đơn vị thực hiện. Trường hợp đặt hàng cho đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo giá, phí chưa tính đủ chi phí, ngân sách nhà nước hỗ trợ phần chi phí chưa kết cấu trong giá, phí dịch vụ sự nghiệp công.

Điều 14. Đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước

1. Hình thức đặt hàng

a) Đặt hàng cho đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo hình thức: Quyết định của cơ quan quản lý cấp trên đặt hàng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định này);

b) Đặt hàng cho nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác thực hiện theo hình thức: Hợp đồng đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định này).

2. Danh mục dịch vụ sự nghiệp công đặt hàng theo danh mục quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Nội dung đặt hàng

a) Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước: Số lượng, khối lượng dịch vụ sự nghiệp công đặt hàng;

b) Chất lượng dịch vụ sự nghiệp công (theo tiêu chí, tiêu chuẩn do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành);

c) Thời gian triển khai và thời gian hoàn thành;

d) Đơn giá, giá đặt hàng theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về giá và các pháp luật khác có liên quan;

đ) Dự toán kinh phí đặt hàng (trường hợp đặt hàng đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện) hoặc giá trị hợp đồng (trường hợp ký hợp đồng đặt hàng cho nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác), trong đó chi tiết theo các nguồn sau:

- Nguồn ngân sách nhà nước đặt hàng (theo giá tính đủ chi phí) hoặc kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ phần chi phí chưa kết cấu trong giá, phí dịch vụ sự nghiệp công (trường hợp giá chưa tính đủ chi phí).

- Nguồn phí được để lại chỉ cho hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí theo pháp luật về phí và lệ phí.

- Nguồn thu dịch vụ sự nghiệp công theo giá dịch vụ sự nghiệp công do Nhà nước định giá.

- Nguồn khác (nếu có).

e) Phương thức thanh toán, quyết toán;

g) Phương thức nghiệm thu, bàn giao sản phẩm;

h) Quyền và nghĩa vụ của đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công;

i) Quyền và nghĩa vụ của cơ quan đặt hàng;

k) Ngoài ra, các bên có thể bổ sung một số nội dung khác nhưng không trái với quy định của pháp luật.

4. Ngoài các nội dung đặt hàng quy định tại khoản 3 Điều này, các bộ, cơ quan trung ương, các địa phương có thể bổ sung một số nội dung khác về đặt hàng để phù hợp với yêu cầu quản lý đối với từng lĩnh vực cụ thể hoặc theo nội dung đặt hàng theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có).

Điều 15. Điều chỉnh kinh phí đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước

1. Nhà nước thay đổi về cơ chế, chính sách tiền lương.

2. Nhà nước điều chỉnh định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí, giá, đơn giá dịch vụ sự nghiệp công, thay đổi số lượng, khối lượng dịch vụ sự nghiệp công đặt hàng.

3. Nguyên nhân bất khả kháng theo quy định của pháp luật ảnh hưởng đến cung cấp dịch vụ sự nghiệp công.

Mục 3

**ĐẤU THẦU CUNG CẤP DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG
SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

Điều 16. Quy định về đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước

1. Căn cứ chức năng và ngành nghề đăng ký kinh doanh phù hợp với dịch vụ sự nghiệp công tham gia đấu thầu; căn cứ quy định của pháp luật chuyên ngành đối với nhà thầu cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực thuộc diện Nhà nước cấp phép hoạt động và các điều kiện tham gia đấu thầu khác theo quy định của pháp luật liên quan (nếu có); nhà thầu được tham gia đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo danh mục quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này theo các hình thức:

a) Đấu thầu rộng rãi cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo quy định tại Điều 20 Luật đấu thầu; trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 16 Nghị định này;

b) Đấu thầu hạn chế cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo quy định tại Điều 21 Luật đấu thầu.

2. Quy định về đấu thầu và các nội dung liên quan đến đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước, thực hiện theo quy định của Luật đấu thầu, Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu và văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có); các pháp luật liên quan.

Chương III **ĐẶT HÀNG, ĐẤU THẦU SẢN XUẤT,** **CUNG ỨNG SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ÍCH**

Mục 1 **ĐẶT HÀNG SẢN XUẤT,** **CUNG ỨNG SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ÍCH**

Điều 17. Điều kiện đặt hàng sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích

1. Đặt hàng nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích, theo danh mục quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này, khi đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

a) Nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích đã có đăng ký ngành nghề kinh doanh phù hợp với lĩnh vực được đặt hàng sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích; có đủ năng lực về tài chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị, máy móc, trình độ kỹ thuật, công nghệ sản xuất, trình độ quản lý và đội ngũ người lao động đáp ứng được các yêu cầu của việc sản xuất, cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích theo hợp đồng đặt hàng. Ngoài ra đối với nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích được đặt hàng trong lĩnh vực thuộc diện Nhà nước cấp phép hoạt động phải đáp ứng thêm điều kiện phải là nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép theo quy định của pháp luật chuyên ngành;

b) Danh mục sản phẩm, dịch vụ công ích có tính đặc thù do liên quan đến sở hữu trí tuệ hoặc chỉ có một nhà cung cấp đăng ký thực hiện.

c) Sản phẩm, dịch vụ công ích có giá tiêu thụ, giá sản phẩm dịch vụ, mức trợ giá được cấp có thẩm quyền quyết định theo pháp luật về giá và các pháp luật khác có liên quan.

2. Điều kiện đặt hàng sản phẩm, dịch vụ công ích quy định tại khoản 1 Mục I và khoản 2 Mục II của Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành, pháp luật khác có liên quan; được áp dụng các quy định về đặt hàng của Nghị định này.

3. Điều kiện đặt hàng sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích có tính đặc thù (nếu có) quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định này thực hiện theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

4. Trường hợp đặt hàng sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích khác đã được quy định trong pháp luật chuyên ngành thì thực hiện theo quy định pháp luật chuyên ngành (nếu có).

5. Đối với sản phẩm, dịch vụ công ích quy định tại khoản 1 Mục I Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này, trường hợp theo pháp luật chuyên ngành quy định phương thức giao nhiệm vụ thì được thực hiện giao nhiệm vụ; nhưng khuyến khích áp dụng hình thức đặt hàng. Các quy định về điều kiện giao nhiệm vụ và các nội dung khác liên quan đến giao nhiệm vụ được thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành, Luật ngân sách nhà nước, pháp luật khác có liên quan; được áp dụng theo các quy định về giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước quy định tại Mục I Chương II Nghị định này.

6. Trường hợp danh mục sản phẩm, dịch vụ công ích tại Phụ lục II kèm theo Nghị định này thực hiện phương thức đặt hàng, nhưng vẫn khuyến khích áp dụng hình thức đấu thầu.

Điều 18. Căn cứ đặt hàng sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích

1. Dự toán được cấp có thẩm quyền giao đặt hàng sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

2. Các chỉ tiêu về sản xuất, cung ứng các sản phẩm, dịch vụ công ích; dự toán về chi phí hợp lý sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

3. Đơn giá, giá đặt hàng; mức trợ giá, được xác định trên cơ sở áp dụng các định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí hiện hành của Nhà nước và do cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật về giá và quy định của các pháp luật khác có liên quan. Trường hợp sản phẩm, dịch vụ công ích có thu phí thì theo mức thu phí do Nhà nước quy định.

4. Giá tiêu thụ; đơn giá, giá sản phẩm, dịch vụ công ích theo quy định của Nhà nước hoặc số tiền do người được hưởng sản phẩm, dịch vụ công ích thanh toán theo quy định của Nhà nước.

5. Trên cơ sở dự toán được giao, đơn giá, giá đặt hàng, chi phí hợp lý, giá tiêu thụ, giá sản phẩm, dịch vụ công ích, mức trợ giá, căn cứ đặt hàng khác theo quy định của pháp luật khác có liên quan (nếu có); cơ quan đặt hàng xác định số lượng, khối lượng sản phẩm, dịch vụ công ích được trợ giá để ký hợp đồng đặt hàng. Trường hợp giá tiêu thụ; đơn giá, giá sản phẩm,

dịch vụ công ích theo quy định của Nhà nước hoặc số tiền do người được hưởng sản phẩm, dịch vụ công ích thanh toán theo quy định của Nhà nước tại khoản 4 Điều này thấp hơn chi phí hợp lý của nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thì nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích được trợ giá theo số lượng hoặc khối lượng sản phẩm, dịch vụ công ích được đặt hàng.

Điều 19. Nội dung hợp đồng đặt hàng sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích

1. Nội dung hợp đồng đặt hàng:

- a) Tên sản phẩm, dịch vụ công ích đặt hàng: Số lượng, khối lượng sản phẩm, dịch vụ công ích;
- b) Chất lượng sản phẩm, dịch vụ công ích (theo tiêu chí, tiêu chuẩn do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành);
- c) Giá, đơn giá, mức trợ giá;
- d) Số lượng, khối lượng sản phẩm, dịch vụ công ích được trợ giá;
- đ) Giá trị hợp đồng;
- e) Thời gian triển khai, thời gian hoàn thành;
- g) Doanh thu, chi phí từ hoạt động sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích (nếu cần thiết);
- h) Giá tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ công ích;
- i) Chi phí hợp lý sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;
- k) Giao hàng: thời gian, địa điểm, phương thức;
- l) Phương thức thanh toán, quyết toán;
- m) Phương thức nghiệm thu, thanh lý hợp đồng;
- n) Quyền và nghĩa vụ của cơ quan đặt hàng và nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;
- o) Trách nhiệm của các bên do vi phạm hợp đồng và thủ tục giải quyết.
- p) Các bên có thể thỏa thuận bổ sung một số nội dung khác trong hợp đồng nhưng không trái với quy định của pháp luật và không làm thay đổi giá của sản phẩm, dịch vụ công ích.

2. Ngoài các nội dung hợp đồng đặt hàng quy định tại khoản 1 Điều này, các bộ, cơ quan trung ương, các địa phương có thể bổ sung một số nội dung khác về hợp đồng đặt hàng để phù hợp với yêu cầu quản lý đối với từng lĩnh vực cụ thể hoặc theo Mẫu hợp đồng theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có).

3. Hợp đồng đặt hàng sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 20. Điều chỉnh hợp đồng đặt hàng sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích

1. Hợp đồng đặt hàng sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích chỉ được điều chỉnh khi được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

2. Các trường hợp được điều chỉnh hợp đồng đặt hàng:

- a) Nhà nước thay đổi về cơ chế, chính sách tiền lương;
- b) Nhà nước điều chỉnh định mức kinh tế kỹ thuật; định mức chi phí, giá, đơn giá, mức trợ giá sản phẩm, dịch vụ công ích;
- c) Nguyên nhân bất khả kháng theo quy định của pháp luật ảnh hưởng đến sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

Mục 2

**ĐẤU THẦU SẢN XUẤT, CUNG ỨNG SẢN PHẨM,
DỊCH VỤ CÔNG ÍCH**

Điều 21. Quy định về đấu thầu sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích

1. Căn cứ chức năng và ngành nghề đăng ký kinh doanh phù hợp với sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích tham gia đấu thầu; căn cứ quy định của pháp luật chuyên ngành đối với nhà thầu cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực thuộc diện Nhà nước cấp phép hoạt động và các điều kiện tham gia đấu thầu khác theo quy định của pháp luật liên quan (nếu có); nhà thầu được tham gia đấu thầu sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích theo danh mục tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này theo các hình thức sau:

a) Đấu thầu rộng rãi sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích theo quy định tại Điều 20 Luật đấu thầu; trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 21 Nghị định này;

b) Đấu thầu hạn chế sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích theo quy định tại Điều 21 Luật đấu thầu.

2. Quy định về đấu thầu và các nội dung liên quan đến đấu thầu sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích, thực hiện theo quy định của Luật đấu thầu, Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu và văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có); các pháp luật liên quan.

Chương IV

QUẢN LÝ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VỀ GIAO NHIỆM VỤ, ĐẶT HÀNG HOẶC ĐẤU THẦU CUNG CẤP SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG

Điều 22. Lập dự toán

1. Lập dự toán kinh phí ngân sách giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công thực hiện theo quy định của Luật ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn Luật ngân sách nhà nước, quy định của pháp luật khác có liên quan và quy định tại Nghị định này.

2. Lập dự toán

a) Hàng năm căn cứ danh mục sản phẩm, dịch vụ công chi tiết theo số lượng, khối lượng, đơn giá, giá dịch vụ, dự toán năm trước liền kề (trường hợp được giao nhiệm vụ, đặt hàng), đấu thầu năm liền kề trước (trường hợp đấu thầu) và dự kiến biến động các yếu tố chi phí đầu vào; theo hướng dẫn của bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; các đơn vị dự toán các cấp lập dự toán nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, dịch vụ công cùng thời điểm lập dự toán ngân sách và tổng hợp trong dự toán ngân sách của đơn vị, gửi cơ quan quản lý cấp trên theo quy định;

b) Cơ quan quản lý cấp trên xem xét, tổng hợp dự toán gửi cơ quan tài chính cùng cấp và các cơ quan có liên quan theo quy định của Luật ngân sách nhà nước. Đối với dịch vụ sự nghiệp công do Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ theo giá chưa tính đủ chi phí, lập dự toán cả phần ngân sách hỗ trợ phần chi phí chưa kết cấu trong giá dịch vụ sự nghiệp công; đối với sản phẩm, dịch vụ công ích lập dự toán phần ngân sách trợ giá.

Trường hợp sản phẩm, dịch vụ công thuộc danh mục thu phí, đơn vị lập dự toán chỉ từ nguồn thu phí được để lại chi cho hoạt động dịch vụ, thu phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

Điều 23. Phân bổ và giao dự toán

1. Việc phân bổ, giao dự toán nhiệm vụ, đặt hàng của cơ quan quản lý cấp trên cho đơn vị sự nghiệp công lập; dự toán đặt hàng, đấu thầu cho nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác; nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích (hoặc dự toán giao nhiệm vụ trong trường hợp pháp luật chuyên

ngành quy định), thực hiện theo quy định của Luật ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn Luật ngân sách nhà nước, quy định của pháp luật khác có liên quan và quy định tại Nghị định này.

2. Căn cứ dự toán được cấp có thẩm quyền giao, cơ quan quản lý cấp trên phân bổ và giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc, trong đó phân rõ dự toán giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước; dự toán kinh phí trợ giá sản phẩm, dịch vụ công ích.

Các bộ, cơ quan trung ương, các địa phương hoặc cơ quan quản lý trực thuộc được ủy quyền giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công cho đơn vị sự nghiệp công lập; nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác; nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích trong phạm vi dự toán ngân sách được giao.

3. Đối với giao dự toán đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước cho các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công theo quy định hiện hành.

Điều 24. Thực hiện dự toán

1. Thanh toán kinh phí giao nhiệm vụ

Căn cứ dự toán được cấp có thẩm quyền giao, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành, nghiệm thu nhiệm vụ được giao, tài liệu khác có liên quan (nếu có), các đơn vị sự nghiệp công lập tạm ứng, thanh toán theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

Trường hợp pháp luật chuyên ngành đã có quy định giao nhiệm vụ sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích, việc thanh toán kinh phí giao nhiệm vụ theo quy định của Luật ngân sách nhà nước, pháp luật chuyên ngành, pháp luật khác có liên quan và theo các quy định hiện hành.

2. Thanh toán kinh phí đặt hàng, đấu thầu

a) Đối với kinh phí đặt hàng cho đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện: Căn cứ dự toán được cấp có thẩm quyền giao; quyết định đặt hàng của cơ quan cấp trên cho đơn vị sự nghiệp công lập; đơn giá, giá đặt hàng; biên bản nghiệm thu sản phẩm theo quy định của cấp có thẩm quyền; biên bản nghiệm thu đặt hàng theo từng năm (theo Mẫu số 02 kèm theo Nghị định này); tài liệu khác có liên quan (nếu có); đơn vị sự nghiệp công lập tạm ứng, thanh toán theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

b) Đối với kinh phí hợp đồng đặt hàng, đấu thầu cho nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác; nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện: Căn cứ dự toán được cấp có thẩm quyền giao; hợp đồng đã được ký kết giữa cơ quan đặt hàng với nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác; nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích; đơn giá, giá đặt hàng, mức trợ giá, giá tiêu thụ; biên bản nghiệm thu sản phẩm theo quy định của cấp có thẩm quyền; biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng theo từng năm (theo Mẫu số 04 kèm theo Nghị định này); tài liệu khác có liên quan (nếu có); cơ quan ký hợp đồng tạm ứng, thanh toán kinh phí cho nhà cung cấp nhận đặt hàng theo quy định của Luật ngân sách nhà nước, pháp luật chuyên ngành, pháp luật khác có liên quan và theo các quy định hiện hành.

3. Kinh phí đặt hàng, hợp đồng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công; chênh lệch thu lớn hơn chi từ đặt hàng, hợp đồng (nếu có) được thực hiện như sau:

a) Đối với nhà cung cấp là đơn vị sự nghiệp công lập được quyền tự chủ tài chính theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập, Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác, Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập, các Nghị định quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong các lĩnh vực y tế, giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, văn hóa thể thao và du lịch, thông tin và truyền thông và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

b) Đối với nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác; nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích tự quyết định theo quy định của pháp luật hiện hành, quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có); thực hiện các nghĩa vụ về tài chính đối với Nhà nước.

4. Khi kết thúc giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu, cơ quan quản lý cấp trên nghiệm thu sản phẩm không đạt yêu cầu hoặc không thực hiện đủ theo số lượng, khối lượng sản phẩm, dịch vụ công được giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu hoặc có lý do phải dừng thực hiện, kinh phí còn dư thực hiện điều chỉnh hoặc hủy dự toán theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

Điều 25. Quyết toán kinh phí

1. Đơn vị sự nghiệp công lập quyết toán kinh phí giao nhiệm vụ, đặt hàng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công trong báo cáo quyết toán năm của đơn vị gửi cơ quan quản lý cấp trên xét duyệt, thẩm định theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

2. Quyết toán kinh phí hợp đồng đặt hàng, đấu thầu với nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác; nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích (hoặc kinh phí giao nhiệm vụ trong trường hợp pháp luật chuyên ngành quy định): Kết thúc năm tài chính, cơ quan đặt hàng và nhà cung cấp nhận đặt hàng, giao nhiệm vụ, đấu thầu thực hiện nghiệm thu, thanh lý hợp đồng; quyết toán kinh phí theo quy định của Luật ngân sách nhà nước, pháp luật chuyên ngành, pháp luật khác có liên quan và theo các quy định hiện hành.

Căn cứ hợp đồng đã được ký kết, dự toán được cấp có thẩm quyền giao, quyết định đơn giá, giá đặt hàng (hoặc giao nhiệm vụ) của cấp có thẩm quyền, giá tiêu thụ theo quy định của Nhà nước, mức trợ giá, biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng và các tài liệu khác có liên quan (nếu có), cơ quan đặt hàng, đấu thầu (hoặc giao nhiệm vụ) thanh toán, quyết toán kinh phí cho nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác; nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích và quyết toán kinh phí với ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 26. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp

1. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan trung ương

a) Trình Thủ tướng Chính phủ ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý của bộ, cơ quan trung ương; danh mục sản phẩm, dịch vụ công ích của bộ, cơ quan trung ương theo quy định tại Điều 5 Nghị định này cho phù hợp với tình hình thực tế trong từng thời kỳ;

b) Ban hành, sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền:

- Định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí (nếu có) áp dụng đối với sản phẩm, dịch vụ công làm cơ sở ban hành đơn giá, giá sản phẩm, dịch vụ công.

- Đơn giá, giá sản phẩm, dịch vụ công; mức trợ giá sản phẩm, dịch vụ công ích của bộ, cơ quan trung ương theo quy định của pháp luật về giá và quy định của các pháp luật khác có liên quan.

- Tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, dịch vụ công; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công thuộc bộ, cơ quan trung ương.

c) Trình Thủ tướng Chính phủ ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung danh mục sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách trung ương có tính đặc thù quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định này (nếu có).

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Ban hành, sửa đổi, bổ sung danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước; danh mục sản phẩm, dịch vụ công ích, thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định tại Điều 5 Nghị định này cho phù hợp với tình hình thực tế trong từng thời kỳ;

b) Ban hành, sửa đổi, bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí (nếu có) áp dụng đối với sản phẩm, dịch vụ công làm cơ sở ban hành đơn giá, giá sản phẩm, dịch vụ công; tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, dịch vụ công; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công, thuộc phạm vi quản lý của địa phương;

c) Ban hành đơn giá, giá sản phẩm, dịch vụ công; mức trợ giá sản phẩm, dịch vụ công ích, thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định của pháp luật về giá và quy định của các pháp luật khác có liên quan.

3. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính và các bộ, cơ quan có liên quan hướng dẫn về chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công ích tại Phụ lục II và chi phí tiền lương, tiền công trong đơn giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước tại Biểu 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này đối với doanh nghiệp được hợp đồng đặt hàng, đấu thầu (hoặc được giao nhiệm vụ trong trường hợp pháp luật chuyên ngành quy định).

4. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, căn cứ các quy định chung về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước; sản phẩm, dịch vụ công ích tại Chương II và Chương III Nghị định này (bao gồm cả nội dung tại các mẫu kèm theo Nghị định), để quy định chi tiết, bổ sung thêm các nội dung về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu (nếu thấy cần thiết) cho phù hợp với yêu cầu quản lý và tính chất đặc thù của từng lĩnh vực chuyên ngành và pháp luật khác có liên quan.

5. Bộ Y tế trình Thủ tướng Chính phủ quyết định đặt hàng cung cấp dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, y tế dự phòng từ nguồn ngân sách nhà nước của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong lĩnh vực y tế cho các đơn vị y tế thuộc lực lượng vũ trang đóng trên địa bàn biên giới, hải đảo, nơi mà y tế dân sự còn có nhiều khó khăn, chưa đáp ứng được yêu cầu cung cấp dịch vụ y tế cho người dân, y tế lực lượng vũ trang phải thực hiện theo mô hình kết hợp dân quân y.

6. Các bộ, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân các cấp chỉ đạo, tổ chức thực hiện hoặc ủy quyền cho cơ quan quản lý trực thuộc giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công; chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng kinh phí ngân sách giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan trung ương, địa phương và kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật đấu thầu.

Điều 27. Trách nhiệm của đơn vị sự nghiệp công lập; nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác; nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích

1. Đơn vị sự nghiệp công lập được cơ quan quản lý cấp trên giao nhiệm vụ, đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước có trách nhiệm:

a) Đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

b) Chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý cấp trên về sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công do đơn vị thực hiện; không được đặt hàng lại dịch vụ sự nghiệp công đã được cơ quan quản lý cấp trên đặt hàng cho đơn vị khác thực hiện;

c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp lý, hợp pháp của các hồ sơ, phương án khi cung cấp sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công.

2. Nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác; nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện ký kết hợp đồng theo quy định của pháp luật (hoặc được giao nhiệm vụ trong trường hợp pháp luật chuyên ngành quy định);

b) Được thanh toán theo đơn giá, giá, phí hoặc được trợ giá theo quy định trong hợp đồng ký kết, theo pháp luật chuyên ngành, pháp luật khác có liên quan;

c) Phải tự bù đắp chi phí theo giá trúng thầu khi tham gia cung cấp sản phẩm, dịch vụ công theo phương thức đấu thầu;

d) Chịu trách nhiệm trước cơ quan đặt hàng, đấu thầu (hoặc giao nhiệm vụ) về sản phẩm, dịch vụ công do mình cung cấp;

đ) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp lý, hợp pháp của các hồ sơ, phương án khi cung cấp sản phẩm, dịch vụ công.

Điều 28. Tổ chức kiểm tra, giám sát thực hiện

1. Đối với các bộ, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân các cấp

a) Thủ trưởng cơ quan ở trung ương chịu trách nhiệm tổ chức chỉ đạo, kiểm tra, theo dõi và giám sát việc thực hiện giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công của bộ, cơ quan trung ương từ nguồn ngân sách trung ương;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp chịu trách nhiệm tổ chức chỉ đạo, kiểm tra, theo dõi và giám sát việc thực hiện giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công của địa phương từ nguồn ngân sách địa phương.

2. Đối với cơ quan tài chính

a) Bộ Tài chính phối hợp với các bộ, cơ quan trung ương kiểm tra việc thực hiện giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương;

b) Cơ quan tài chính các cấp ở địa phương phối hợp với các cơ quan chuyên ngành ở địa phương kiểm tra việc thực hiện giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương;

c) Kho bạc Nhà nước các cấp trên cơ sở quyết định giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu; dự toán của cấp có thẩm quyền giao; quyết định, hợp đồng đặt hàng, đấu thầu; biên bản nghiệm thu sản phẩm; biên bản nghiệm thu đặt hàng; biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng; các tài liệu khác có liên quan theo quy định tại Nghị định này, quy định của pháp luật chuyên ngành, pháp luật khác có liên quan, để thực hiện kiểm soát chi và thanh toán kinh phí giao nhiệm vụ, đặt hàng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công đối với đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện; hợp đồng đặt hàng, đấu thầu (hoặc giao nhiệm vụ) đối với nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác; nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích, theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

Điều 29. Quy định chuyển tiếp

Đối với dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước; sản phẩm, dịch vụ công ích đã được cơ quan quản lý cấp trên giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đã tổ chức đấu thầu thực hiện trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích, Quyết định số 39/2008/QĐ-TTg ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước, cho đến khi kết thúc nhiệm vụ được cấp trên giao; thanh lý hợp đồng đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công.

Điều 30. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 6 năm 2019 và áp dụng từ năm ngân sách 2019.

2. Nghị định này thay thế Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích và Quyết định số 39/2008/QĐ-TTg ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH.(2) G 105

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG



Nguyễn Xuân Phúc



Phụ lục I
DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH
NHÀ NƯỚC GIAO NHIỆM VỤ, ĐẶT HÀNG HOẶC ĐẦU THẦU

(Kèm theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019
của Chính phủ)

Biểu 01

DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG KINH PHÍ
NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO NGÀNH, LĨNH VỰC GIAO NHIỆM VỤ,
ĐẶT HÀNG HOẶC ĐẦU THẦU

STT	Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo ngành, lĩnh vực	Phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu
I	Lĩnh vực sự nghiệp giáo dục đào tạo	
1	Dịch vụ giáo dục mầm non và phổ thông	Giao nhiệm vụ/đặt hàng
2	Dịch vụ giáo dục trung cấp sư phạm và cao đẳng sư phạm	Giao nhiệm vụ/đặt hàng
3	Dịch vụ giáo dục đại học	Giao nhiệm vụ/đặt hàng
4	Dịch vụ giáo dục thường xuyên	Giao nhiệm vụ/đặt hàng
5	Dịch vụ đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	Giao nhiệm vụ/đặt hàng
6	Dịch vụ khác	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
II	Lĩnh vực sự nghiệp giáo dục nghề nghiệp	
7	Dịch vụ đào tạo trình độ cao đẳng	Giao nhiệm vụ/đặt hàng
8	Dịch vụ đào tạo trình độ trung cấp	Giao nhiệm vụ/đặt hàng
9	Dịch vụ đào tạo sơ cấp nghề, đào tạo nghề dưới 03 tháng	Giao nhiệm vụ/đặt hàng
10	Dịch vụ đào tạo nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	Giao nhiệm vụ/đặt hàng
III	Lĩnh vực sự nghiệp y tế - dân số	
11	Dịch vụ y tế dự phòng và chăm sóc sức khỏe ban đầu	Giao nhiệm vụ/đặt hàng
12	Dịch vụ khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng	Giao nhiệm vụ/đặt hàng

STT	Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo ngành, lĩnh vực	Phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu
13	Dịch vụ kiểm nghiệm, kiểm định	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
14	Dịch vụ giám định	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
15	Dịch vụ y tế khác	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
IV	Lĩnh vực sự nghiệp thông tin và truyền thông	
16	Dịch vụ báo chí, xuất bản và thông tin cơ sở	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
17	Dịch vụ viễn thông, internet	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
18	Dịch vụ bưu chính	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
19	Dịch vụ công nghệ thông tin	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
20	Dịch vụ khác	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
V	Lĩnh vực sự nghiệp văn hóa, gia đình, thể thao và du lịch	
21	Dịch vụ văn hóa	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
22	Dịch vụ gia đình	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
23	Dịch vụ thể dục, thể thao	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
24	Dịch vụ du lịch	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
25	Dịch vụ khác	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
VI	Lĩnh vực sự nghiệp khoa học và công nghệ	
26	Dịch vụ hoạt động khoa học và công nghệ	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
27	Dịch vụ lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng (bao gồm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật)	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
28	Dịch vụ lĩnh vực sở hữu trí tuệ	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
29	Dịch vụ phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ (bao gồm thông tin khoa học và công nghệ)	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
30	Dịch vụ lĩnh vực năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu

STT	Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo ngành, lĩnh vực	Phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu
VII	Lĩnh vực sự nghiệp bảo vệ môi trường	
31	Dịch vụ môi trường	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
32	Dịch vụ bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
VIII	Các hoạt động kinh tế, sự nghiệp khác	
A	Hoạt động kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn	
33	Dịch vụ lĩnh vực trồng trọt	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
34	Dịch vụ lĩnh vực chăn nuôi	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
35	Dịch vụ lĩnh vực bảo vệ thực vật	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
36	Dịch vụ lĩnh vực thú y	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
37	Dịch vụ lĩnh vực thủy sản	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
38	Dịch vụ lĩnh vực lâm nghiệp	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
39	Dịch vụ lĩnh vực thủy lợi	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
40	Dịch vụ lĩnh vực phòng chống thiên tai	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
41	Dịch vụ lĩnh vực quản lý chất lượng	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
42	Dịch vụ khác	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
B	Hoạt động kinh tế giao thông vận tải	
43	Dịch vụ lĩnh vực đường bộ	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
44	Dịch vụ lĩnh vực đường thủy nội địa	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
45	Dịch vụ lĩnh vực hàng hải	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
46	Dịch vụ lĩnh vực hàng không	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
47	Dịch vụ lĩnh vực đường sắt	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
48	Dịch vụ khác	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
C	Hoạt động kinh tế tài nguyên môi trường	
49	Dịch vụ lĩnh vực quản lý đất đai	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
50	Dịch vụ lĩnh vực đo đạc và bản đồ	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu

STT	Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo ngành, lĩnh vực	Phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu
51	Dịch vụ lĩnh vực địa chất và khoáng sản	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
52	Dịch vụ lĩnh vực tài nguyên nước	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
53	Dịch vụ lĩnh vực khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
54	Dịch vụ lĩnh vực quản lý tổng hợp tài nguyên môi trường biển và hải đảo	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
55	Dịch vụ lĩnh vực viễn thám	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
56	Dịch vụ khác	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
D	Hoạt động kinh tế công thương	
57	Dịch vụ lĩnh vực điện lực, tiết kiệm năng lượng, hiệu quả	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
58	Dịch vụ lĩnh vực hóa chất	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
59	Dịch vụ lĩnh vực quản lý cạnh tranh	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
60	Dịch vụ lĩnh vực thương mại điện tử	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
61	Dịch vụ khuyến công; xúc tiến thương mại	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
62	Dịch vụ khác	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
Đ	Hoạt động kinh tế xây dựng	
63	Dịch vụ lập các đồ án quy hoạch theo phân cấp không thuộc phạm vi hệ thống quy hoạch quốc gia theo Luật quy hoạch	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
64	Dịch vụ nghiên cứu thiết kế điển hình, thiết kế mẫu trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành xây dựng	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
65	Dịch vụ xây dựng cơ sở dữ liệu, đo đạc, thành lập bản đồ chuyên ngành xây dựng	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
66	Dịch vụ xây dựng, thu thập, duy trì hệ thống cơ sở dữ liệu trong lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành xây dựng, phát triển công thông tin điện tử	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
67	Dịch vụ điều tra thống kê	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu

STT	Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo ngành, lĩnh vực	Phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu
68	Dịch vụ khác	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
E	Lĩnh vực sự nghiệp lao động thương binh và xã hội	
69	Dịch vụ chăm sóc người có công	Giao nhiệm vụ/đặt hàng
70	Dịch vụ về việc làm	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
71	Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
72	Dịch vụ trợ giúp xã hội và bảo vệ chăm sóc trẻ em; dịch vụ xã hội trong cơ sở bảo trợ xã hội	Giao nhiệm vụ/đặt hàng
73	Dịch vụ phòng, chống tệ nạn xã hội	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
74	Dịch vụ về an toàn vệ sinh lao động	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
G	Lĩnh vực tư pháp	
75	Dịch vụ trợ giúp pháp lý	Giao nhiệm vụ/hình thức khác theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý
76	Dịch vụ khác	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
H	Lĩnh vực sự nghiệp khác	
77	Dịch vụ cứu nạn trên biển	Giao nhiệm vụ
78	Dịch vụ sự nghiệp khác	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu

* Thẩm quyền ban hành chi tiết danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo ngành, lĩnh vực của bộ, cơ quan trung ương và các địa phương thuộc phạm vi quản lý, ở Biểu 01 nêu trên theo quy định tại điểm a khoản 3 và khoản 6 Điều 22 Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập và theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 21 tháng 5 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ và văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Biểu 02**MỘT SỐ DANH MỤC DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG KINH PHÍ
NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THỰC HIỆN ĐẶT HÀNG HOẶC ĐẤU THẦU****I. DANH MỤC DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG KINH PHÍ
NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THỰC HIỆN ĐẶT HÀNG**

1. In tiền giấy và các giấy tờ có giá; sản xuất tiền kim loại; in, đúc vàng miếng.
2. Dịch vụ bảo đảm an toàn hàng hải; thông tin duyên hải.
3. Quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt.
4. Dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga.

**II. DANH MỤC DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG KINH PHÍ
NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THỰC HIỆN ĐẤU THẦU HOẶC ĐẶT HÀNG**

1. Quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; dịch vụ vận hành khai thác bến phà đường bộ (trong trường hợp dịch vụ này có định mức kinh tế - kỹ thuật và đơn giá được cấp có thẩm quyền ban hành để làm cơ sở đặt hàng cho doanh nghiệp thực hiện).
2. Quản lý, bảo trì đường thủy nội địa.
3. Dịch vụ quản lý công viên, trồng và quản lý chăm sóc cây xanh, hoa cảnh vỉa hè, đường phố, dải phân cách, vòng xoay.
4. Dịch vụ chiếu sáng đô thị.
5. Dịch vụ thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý chất thải, vệ sinh công cộng.
6. Sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình phóng sự, tài liệu chuyên đề, phim truyện do nhà nước đặt hàng hoặc tài trợ.
7. Dịch vụ phát thanh, truyền hình qua mạng Internet phục vụ người Việt Nam ở nước ngoài.



Phụ lục II
DANH MỤC SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ÍCH
THỰC HIỆN ĐẶT HÀNG HOẶC ĐẦU THẦU
(Kèm theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019
của Chính phủ)

I. SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ÍCH THỰC HIỆN ĐẶT HÀNG

1. Quản lý, khai thác công trình thủy lợi lớn, quan trọng đặc biệt, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi, theo quy định của pháp luật về thủy lợi.

2. Dịch vụ cung cấp điện, nước sạch cho khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo.

3. Vắc xin, sinh phẩm trong các trường hợp sau: (i) Phục vụ công tác phòng, chống các bệnh truyền nhiễm nhóm A, nhóm B theo Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm; (ii) Sử dụng cho chương trình tiêm chủng mở rộng; (iii) Chỉ có một nhà sản xuất trong nước.

4. Một số sản phẩm, dịch vụ công ích quan trọng khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

* Sản phẩm, dịch vụ công ích tại khoản 1 Mục I này thực hiện đặt hàng, trường hợp pháp luật chuyên ngành quy định thực hiện phương thức giao nhiệm vụ thì được thực hiện giao nhiệm vụ; nhưng khuyến khích áp dụng hình thức đặt hàng.

II. SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ÍCH THỰC HIỆN ĐẦU THẦU HOẶC ĐẶT HÀNG

1. Quản lý, khai thác công trình thủy lợi vừa và công trình thủy lợi nhỏ, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi theo quy định của pháp luật về thủy lợi.

2. Dịch vụ vận tải công cộng tại các đô thị.

3. Dịch vụ thoát nước đô thị, khu dân cư nông thôn tập trung.

4. Dịch vụ tang lễ, nghĩa trang đô thị.

5. Sản xuất, cung ứng, lưu giữ giống gốc giống cây trồng, giống vật nuôi, giống thủy sản.

6. Các sản phẩm chiết tách từ huyết tương theo quy mô công nghiệp (Albumin, Gammaglobulin, các yếu tố đông máu cô đặc).

7. Sản xuất sản phẩm kích dục tố cho cá đẻ HCG.

8. Vận chuyển, cung ứng hàng hóa và dịch vụ thiết yếu phục vụ đồng bào miền núi, vùng sâu, vùng xa.

9. Dịch vụ hậu cần nghề cá trên các vùng biển xa.

10. Quản lý, khai thác, duy tu các khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền nghề cá.

11. Một số sản phẩm, dịch vụ công ích quan trọng khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC
CHỦ QUẢN TRỰC TIẾP (NẾU CÓ)
TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

Số:/QĐ-....

QUYẾT ĐỊNH

Về việc đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công
sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước

THẨM QUYỀN BAN HÀNH¹

Căn cứ Nghị định số / /NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định/Quyết định... quy định chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị ...

Căn cứ Quyết định về giao dự toán ngân sách năm ...

Căn cứ ...

Xét đề nghị của ...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước năm... cho đơn vị sự nghiệp công lập... , với các nội dung chính như sau:

1. Tên danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước ...
 - a) Số lượng, khối lượng dịch vụ sự nghiệp công đặt hàng.
 - b) Chất lượng dịch vụ sự nghiệp công.
 - c) Thời gian triển khai và thời gian hoàn thành.
 - d) Đơn giá, giá đặt hàng theo quyết định của cấp có thẩm quyền.
 - đ) Dự toán kinh phí đặt hàng, trong đó chi tiết theo các nguồn sau:
 - Nguồn ngân sách nhà nước đặt hàng (theo giá tính đủ chi phí) hoặc kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ phần chi phí chưa kết cấu trong giá, phí dịch vụ sự nghiệp công (trường hợp giá chưa tính đủ chi phí).
 - Nguồn phí được để lại chi cho hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí theo pháp luật về phí và lệ phí.
 - Nguồn thu dịch vụ sự nghiệp công theo giá dịch vụ sự nghiệp công do Nhà nước định giá.
 - Nguồn khác (nếu có).
 - e) Phương thức thanh toán, quyết toán;

¹ Bộ, cơ quan Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc cơ quan quản lý trực thuộc được ủy quyền.

- g) Phương thức nghiệm thu, bàn giao sản phẩm;
- h) Quyền và nghĩa vụ của đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp dịch vụ sự nghiệp công;
- i) Quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức đặt hàng;
- k) Ngoài ra, có thể bổ sung một số nội dung khác nhưng không trái với quy định của pháp luật.

* Ngoài các nội dung đặt hàng nêu trên, các bộ, cơ quan trung ương, các địa phương có thể bổ sung một số nội dung khác về đặt hàng để phù hợp với yêu cầu quản lý đối với từng lĩnh vực cụ thể hoặc theo nội dung đặt hàng theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có).

2. Tên danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước ... (nội dung như khoản 1 nêu trên).

3. Tên danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước ... (nội dung như khoản 1 nêu trên).

Điều 2. Căn cứ đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước, Thủ trưởng đơn vị... thực hiện theo đúng nội dung đặt hàng tại Điều 1 Quyết định này, quy định của Luật ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Thủ trưởng các cơ quan có liên quan, Thủ trưởng đơn vị ... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT,...

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày tháng năm

BIÊN BẢN NGHIỆM THU ĐẶT HÀNG
Về cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước

Căn cứ Nghị định số / /NĐ-CP ngày của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định/Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị...

Căn cứ Quyết định số... của bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc cơ quan quản lý trực thuộc được ủy quyền về việc đặt hàng cung cấp dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập...

Căn cứ Biên bản nghiệm thu, bàn giao sản phẩm cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước...

Căn cứ

Hôm nay, ngày tháng... năm... chúng tôi gồm có:

- Đại diện cơ quan, tổ chức đặt hàng:

+ Ông/bà....., chức vụ

+ Ông/bà....., chức vụ

+

- Đại diện đơn vị sự nghiệp công lập nhận đặt hàng...

+ Ông/bà....., chức vụ

+ Ông/bà....., chức vụ

+

Hai bên thống nhất nghiệm thu đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước như sau:

1. Tên danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước ...

a) Số lượng, khối lượng dịch vụ sự nghiệp công đặt hàng.

b) Số lượng, khối lượng dịch vụ sự nghiệp công được nghiệm thu.

c) Chất lượng dịch vụ sự nghiệp công.

d) Đơn giá, giá đặt hàng tại quyết định đặt hàng.

đ) Đơn giá, giá điều chỉnh theo quyết định của cấp có thẩm quyền (nếu có).

e) Dự toán kinh phí đặt hàng theo quyết định đặt hàng.

g) Quyết toán kinh phí đặt hàng (chi tiết theo số lượng, khối lượng thực hiện từng thời điểm và theo đơn giá, giá đặt hàng hoặc đơn giá, giá điều chỉnh theo quyết định của cấp có thẩm quyền).

h) Kinh phí còn được cấp tiếp hoặc thừa nộp trả lại ngân sách.

i) Nội dung khác (nếu có).

* Ý kiến của cơ quan, tổ chức đặt hàng.

* Ý kiến của đơn vị sự nghiệp công lập nhận đặt hàng.

2. Tên danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước... (nội dung nghiệm thu như điểm 1 nêu trên).

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ
SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP**
(Chữ ký, dấu)

**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN,
TỔ CHỨC ĐẶT HÀNG**
(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Họ và tên

Số .../HĐKT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

HỢP ĐỒNG

**Về cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước
(hoặc sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích)**

Căn cứ Bộ Luật Dân sự;

Căn cứ Nghị định số / /NĐ-CP ngày của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định/Quyết định... quy định chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị...

Căn cứ Quyết định về giao dự toán ngân sách năm.

Căn cứ

Hôm nay, ngày tháng... năm... chúng tôi gồm có:

- Đại diện bên A: (cơ quan, tổ chức ký Hợp đồng đặt hàng:)

+ Địa chỉ:.....

+ Điện thoại:, Fax:.....

+ Mã số thuế (nếu có):.....

+ Tài khoản:

+ Do ông, bà:

+ Chức vụ: làm đại diện

- Đại diện bên B (đơn vị nhận Hợp đồng đặt hàng:)

+ Địa chỉ:.....

+ Điện thoại:, Fax:

+ Mã số thuế:.....

+ Tài khoản:

+ Do ông (bà):

+ Chức vụ: ... làm đại diện

Sau khi bàn bạc, hai bên thống nhất ký hợp đồng đặt hàng với các điều kiện sau:

Điều 1. Nội dung hợp đồng đặt hàng

1. Tên danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước đặt hàng (hoặc danh mục sản phẩm, dịch vụ công ích đặt hàng):

- a) Số lượng, khối lượng đặt hàng.
- b) Chất lượng sản phẩm.
- c) Thời gian triển khai và thời gian hoàn thành.
- d) Đơn giá, giá đặt hàng theo quyết định của cấp có thẩm quyền.
- đ) Giá trị hợp đồng, trong đó chi tiết theo các nguồn sau:

- Nguồn ngân sách nhà nước đặt hàng (theo giá tính đủ chi phí) hoặc kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ phần chi phí chưa kết cấu trong giá, phí dịch vụ sự nghiệp công (trường hợp giá chưa tính đủ chi phí).

- Nguồn phí được để lại chi cho hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí theo pháp luật về phí và lệ phí.

- Nguồn thu dịch vụ sự nghiệp công theo giá dịch vụ sự nghiệp công do Nhà nước định giá.

- Nguồn khác (nếu có).

- e) Phương thức thanh toán, quyết toán.

- g) Phương thức nghiệm thu, bàn giao sản phẩm.

- h) Quyền và nghĩa vụ của đơn vị cung cấp sản phẩm, dịch vụ công.

- i) Quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức đặt hàng.

- k) Trách nhiệm của các bên do vi phạm hợp đồng; phương thức giải quyết.

- l) Ngoài ra, các bên có thể bổ sung một số nội dung khác nhưng không trái với quy định của pháp luật.

2. Đối với hợp đồng sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích, ngoài các nội dung tại điểm 1 nêu trên, tùy theo tính chất sản phẩm đặt hàng để bổ sung các nội dung sau:

- Số lượng, khối lượng sản phẩm, dịch vụ công ích được trợ giá.
- Mức trợ giá, số tiền được trợ giá.
- Doanh thu, chi phí sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.
- Chi phí hợp lý sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.
- Giá tiêu thụ; giá sản phẩm dịch vụ.
- Giao hàng: thời gian, địa điểm, phương thức.
- Trách nhiệm của các bên do vi phạm hợp đồng và phương thức giải quyết.
- Nội dung quy định khác theo pháp luật chuyên ngành (nếu có).

3. Ngoài các nội dung hợp đồng đặt hàng tại điểm 1 và điểm 2 nêu trên, các bộ, cơ quan trung ương, các địa phương có thể bổ sung một số nội dung khác về hợp đồng đặt hàng để phù hợp với yêu cầu quản lý đối với từng lĩnh vực cụ thể hoặc theo mẫu hợp đồng theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có).

Điều 2. Trách nhiệm mỗi bên

Điều 3. Điều khoản khác

ĐẠI DIỆN BÊN B

(Chữ ký, dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN A

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Họ và tên

Số:../BBTLHĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

BIÊN BẢN NGHIỆM THU, THANH LÝ HỢP ĐỒNG

**V/v cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng
 kinh phí ngân sách nhà nước
 (hoặc sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích)**

Căn cứ Bộ Luật Dân sự;

Căn cứ Nghị định số / /NĐ-CP ngày của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định/Quyết định.....

Căn cứ Hợp đồng số

Căn cứ vào báo cáo kết quả cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (hoặc sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích);

Căn cứ vào biên bản nghiệm thu, bàn giao sản phẩm đặt hàng.....

Căn cứ.....

Hôm nay, ngày tháng... năm... chúng tôi gồm có:

- Đại diện bên A: (cơ quan, tổ chức ký Hợp đồng đặt hàng:)

+ Địa chỉ:.....

+ Điện thoại:, Fax:.....

+ Mã số thuế (nếu có):.....

+ Tài khoản:

+ Do ông (bà):

+ Chức vụ: làm đại diện

- Đại diện bên B (đơn vị nhận Hợp đồng đặt hàng:)

+ Địa chỉ:.....

+ Điện thoại:, Fax:

+ Mã số thuế:.....

+ Tài khoản:

+ Do ông (bà):

+ Chức vụ: làm đại diện

Hai bên thống nhất nghiệm thu, thanh lý hợp đồng đặt hàng cung cấp dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (hoặc sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích) như sau:

- Số lượng, khối lượng sản phẩm theo hợp đồng:

- Số lượng, khối lượng sản phẩm đặt hàng được nghiệm thu:

- Đơn giá, giá đặt hàng theo hợp đồng:
- Đơn giá, giá điều chỉnh theo quyết định của cấp có thẩm quyền (nếu có):
- Giá trị hợp đồng:
- Giá trị thanh toán:
- Kinh phí đã được cấp ứng:
- Kinh phí còn được cấp tiếp hoặc thừa nộp trả lại ngân sách:
- * Trường hợp hợp đồng sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích, có thể bổ sung các nội dung như sau:
 - Kinh phí được trợ giá theo hợp đồng:
 - Kinh phí được trợ giá theo kết quả nghiệm thu:
 - Kinh phí trợ giá đã được cấp ứng:
 - Kinh phí trợ giá được cấp tiếp hoặc thừa nộp trả ngân sách:
- * Nội dung khác (nếu có).
- * Ý kiến của cơ quan, tổ chức đặt hàng (bên A):
- * Ý kiến của đơn vị nhận đặt hàng (bên B):

ĐẠI DIỆN BÊN B
(Chữ ký, dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN A
(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Họ và tên